

Bản án số: 59/2024/HNGĐ- ST

Ngày 26 tháng 9 năm 2024

V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Công Sinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trung Thành và bà Trần Thị Kim Khuyên.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Trần Thị Kim Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà:*  
Ông Ngô Trường Út - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 104/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Hương Q, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

*2. Bị đơn:* Anh Đỗ Trung T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 07/6/2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Hương Q trình bày:

Chị kết hôn với anh Đỗ Trung T ngày 22/8/2011. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi cưới chị Q về làm dâu và chung sống cùng gia đình nhà chồng. Tình cảm vợ chồng hòa thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T đánh chị nhiều lần. Chị Q về nhà mẹ đẻ vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Hai gia đình không dàn xếp gì để vợ

chồng về đoàn tụ. Đến nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Trung T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Lê Diệu A, sinh ngày 04/3/2012 và Đỗ Lê Bảo N, sinh ngày 28/8/2015, hiện nay cháu A đang ở cùng chị Q, cháu N ở cùng anh T. Ly hôn chị Q xin nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị Q không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Trung T, Tòa án báo gọi nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa làm việc nên không tiến hành hòa giải được. Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/7/2024 ông Đỗ Trọng T1 là bố anh T trình bày: Anh T là con trai ông, năm 2011 ông kết hôn cho anh T và chị Q, gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới chị Q về làm dâu và chung sống cùng anh T tại gia đình ông sau đó vợ chồng đi làm ăn riêng. Năm 2022 chị Q đi lao động xuất khẩu một thời gian vợ chồng mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng như thế nào ông không biết, chị Q đi làm không gửi tiền về cho anh T nuôi con. Đến nay chị Q xin ly hôn quan điểm của anh T và gia đình ông không đồng ý. Anh T ở cùng gia đình ông nhưng đi làm thỉnh thoảng về nhà những lần Tòa án báo gọi anh T gia đình đều nhận được và thông báo cho anh T nhưng do bận việc nên anh T không đến Tòa án làm việc. Về con chung vợ chồng có 02 con như chị Q trình bày là đúng, hiện nay cháu N đang ở cùng anh T và gia đình ông, cháu A ở cùng chị Q và ông bà ngoại. Ly hôn để anh chị quyết định việc nuôi con. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức của anh chị ông không biết cụ thể anh chị có những gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/6/2024 cháu Đỗ Lê Diệu A trình bày: Cháu là con mẹ Q, bố T. Cháu học xong lớp 6 trường trung học cơ sở H, hiện nay cháu đang ở cùng mẹ, bố mẹ mâu thuẫn như thế nào cháu không biết, nguyện vọng mong muốn bố mẹ đoàn tụ, nếu bố mẹ ly hôn cháu xin được ở cùng mẹ vì cháu là con gái ở với mẹ tốt hơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/7/2024 cháu Đỗ Lê Bảo N trình bày: Cháu là con mẹ Q, bố T. Cháu học xong lớp 3 trường tiểu học H, hiện nay cháu đang ở cùng bố và ông bà nội, bố mẹ mâu thuẫn như thế nào cháu không biết, nguyện vọng mong muốn bố mẹ đoàn tụ, nếu bố mẹ ly hôn cháu xin được ở cùng bố.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ, bị đơn không chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q. Về con chung giao cho chị Q nuôi cháu A, giao cho anh T nuôi cháu N; về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Anh T không đến Tòa không rõ quan điểm ra sao, nên khi nào có yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác. Về án phí chị Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Lê Thị Hương Q, khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Đỗ Trung T, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án: Ngày 07/6/2024 chị Lê Thị Hương Q, có đơn xin ly hôn đối với anh Đỗ Trung T. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Hương Q vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Đỗ Trung T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa chị Lê Thị Hương Q và anh Đỗ Trung T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tiến bộ. Về tình cảm: Sau khi kết hôn chị Q và anh T có thời gian hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường hay cãi nhau, có lần anh T còn đánh chị Q dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, chị Q về nhà mẹ đẻ ở sau đó đi làm ăn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, anh T cũng không đến đón chị về đoàn tụ. Đến nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn anh T. Anh T không đến Tòa nên không biết quan điểm ra sao, Tòa án thông báo phiên hòa giải nhiều lần anh T cũng không đến Tòa điều đó thể hiện anh T không mong

muốn chị Q về đoàn tụ. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do đó chị Q xin ly hôn là có căn cứ. Vì vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Lê Thị Hương Q được ly hôn anh Đỗ Trung T.

Về con chung: Xét đề nghị của chị Q, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay chị Q đã đón cháu Đỗ Lê Diệu A về ở cùng chị Q, cháu Đỗ Lê Bảo N đang ở cùng anh T và ông bà nội. Ly hôn chị Q đề nghị được nuôi cả hai con nhưng để không làm sáo trộn cuộc sống của cháu N và cũng là nguyện vọng của cháu N nên cần giao cho anh T nuôi cháu N, giao cho chị Q nuôi cháu A là phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Chị Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị Q không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T không đến Tòa không rõ quan điểm ra sao nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào đương sự có yêu cầu Tòa án giải quyết bằng việc kiện dân sự khác.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị Hương Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227; Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Hương Q được ly hôn anh Đỗ Trung T.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Hương Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Lê Diệu A, sinh ngày 04/3/2012. Giao cho anh Đỗ Trung T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Lê Bảo N, sinh ngày 28/8/2015, cho đến khi các con thành niên đủ 18 tuổi lao động tự túc được (hiện nay cháu A đang ở cùng chị Q, cháu N đang ở cùng anh T). Chị Q không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Hương Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

0000352 ngày 10/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị Q đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Q, anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã H (để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Công Sinh**